

# **Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 43

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCBdo Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên
Bà Ngô Thị Thanh Thủy	Thành viên

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ngày 7 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61113814-20256653/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 7 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>396.635.989.997</b>	<b>323.214.545.627</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>52.363.364.464</b>	<b>42.244.015.465</b>
111	1. Tiền		52.363.364.464	42.244.015.465
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>561.157.480</b>	<b>15.854.048.320</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		683.872.558	28.244.672.556
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(122.715.078)	(12.390.624.236)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>335.025.389.823</b>	<b>254.916.770.482</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		127.931.919.308	117.423.946.406
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.568.018.423	12.404.448.049
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	98.000.000.000
136	4. Các khoản phải thu khác		205.581.950.475	37.957.635.407
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.056.498.383)	(10.869.259.380)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>5.423.365.506</b>	<b>5.392.975.026</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.423.365.506	5.392.975.026
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.262.712.724</b>	<b>4.806.736.334</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.229.225.266	3.773.248.896
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	10.097.837	10.097.837
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.023.389.621	1.023.389.601



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.546.410.851.303</b>	<b>1.516.087.840.572</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>2.329.807.000</b>	<b>3.351.357.000</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		305.700.000	917.100.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		2.024.107.000	2.434.257.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>183.391.762.337</b>	<b>193.236.074.000</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	182.441.851.505	192.611.289.336
222	Nguyên giá		288.806.761.643	296.870.609.454
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(106.364.910.138)	(104.259.320.118)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	949.910.832	624.784.664
228	Nguyên giá		2.422.288.779	1.998.088.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.472.377.947)	(1.373.304.115)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>230.195.000</b>	<b>615.596.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230.195.000	615.596.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>1.357.978.452.681</b>	<b>1.314.299.930.505</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.243.444.752.603	1.199.766.230.427
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		118.695.760.078	118.695.760.078
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.162.060.000)	(4.162.060.000)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.480.634.285</b>	<b>4.584.883.067</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.900.591.252	3.483.479.316
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	580.043.033	1.101.403.751
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.943.046.841.300</b>	<b>1.839.302.386.199</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>590.929.967.424</b>	<b>646.899.656.133</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>431.067.112.290</b>	<b>287.295.254.920</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	96.876.237.223	76.628.352.275
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	14.527.894.822	96.728.235.779
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.310.207.862	6.631.379.285
314	4. Phải trả người lao động		4.725.825.865	13.641.837.062
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.385.574.432	3.368.117.822
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		352.410.262	31.700.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17.1	85.323.818.062	84.528.242.259
320	8. Vay ngắn hạn	18	213.631.094.970	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.934.048.792	5.737.390.438
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>159.862.855.134</b>	<b>359.604.401.213</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17.2	9.648.159.000	9.808.191.500
338	2. Vay dài hạn	18	148.735.374.784	348.314.237.838
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	1.479.321.350	1.481.971.875
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.352.116.873.876</b>	<b>1.192.402.730.066</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>1.352.116.873.876</b>	<b>1.192.402.730.066</b>
411	1. Vốn cổ phần		854.378.790.000	854.378.790.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		854.378.790.000	854.378.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		499.771.118.776	340.056.974.966
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		336.068.374.966	52.642.055.704
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		163.702.743.810	287.414.919.262
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.943.046.841.300</b>	<b>1.839.302.386.199</b>



Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập



Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng





Ngày 7 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	468.621.260.025	417.449.224.683
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(390.092.676.230)	(338.202.197.435)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.528.583.795	79.247.027.248
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	147.828.064.992	286.936.086.644
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(14.355.481.386) (17.858.207.092)	(34.260.116.603) (30.847.397.279)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(27.881.055.867)	(24.886.939.575)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(18.725.141.756)	(17.333.217.945)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		165.394.969.778	289.702.839.769
31	9. Thu nhập khác	26	3.374.078.965	371.443.216
32	10. Chi phí khác	26	(487.943.088)	(335.750.414)
40	11. Lợi nhuận khác		2.886.135.877	35.692.802
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		168.281.105.655	289.738.532.571
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(4.057.001.127)	(379.277.471)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(521.360.718)	(714.373.338)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		163.702.743.810	288.644.881.762

  
Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập

  
Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng



  
Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>168.281.105.655</b>	<b>289.738.532.571</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	10.123.814.869	8.023.808.854
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(12.083.320.680)	2.729.517.283
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(86.333.918)	(10.970.755)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(150.569.743.313)	(286.660.553.136)
06	Chi phí lãi vay		17.858.207.092	32.688.275.949
06	Chi phí phát hành trái phiếu		421.136.946	-
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>33.944.866.651</b>	<b>46.508.610.766</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(42.884.591.792)	(8.016.319.704)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(30.390.480)	(550.335.995)
11	Tăng(giảm) các khoản phải trả		(71.026.088.208)	16.860.862.429
12	Giảm chi phí trả trước		3.126.911.694	1.120.024.724
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		27.560.799.998	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.002.038.801)	(30.448.202.835)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.058.543.133)	(5.019.087.652)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(303.341.646)	(420.925.096)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(74.672.415.717)</b>	<b>20.034.626.637</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.446.000.498)	(20.368.203.963)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản và nhận hỗ trợ di dời		4.631.030.294	-
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay		-	(80.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		56.023.333.333	95.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(35.200.025.000)
26	Tiền thu hồi vốn và thanh lý đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.381.575.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức		11.883.946.104	257.608.329.106
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>71.092.309.233</b>	<b>221.421.675.143</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	32.931.850.937	104.513.092.121
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(19.300.755.967)	(339.513.092.121)
36	Cổ tức đã trả	20.3	(4.880.700)	(7.744.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		13.626.214.270	(235.007.744.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		10.046.107.786	6.448.557.780
60	Tiền đầu kỳ		42.244.015.465	30.054.543.740
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		73.241.213	8.619.879
70	Tiền cuối kỳ	4	52.363.364.464	36.511.721.399



Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập



Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 360 người (31 tháng 12 năm 2017: 364 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**(tiếp theo)

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm hàng hóa với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 37 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Trang web	5 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên và Môi trường vào ngày 31 tháng 1 năm 2008 và ngày 1 tháng 7 năm 2008 trong thời hạn 3 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.10 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty(VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Tiền mặt	2.813.874.300	3.212.140.600
Tiền gửi ngân hàng	49.549.490.164	39.031.874.865
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>52.363.364.464</u></b>	<b><u>42.244.015.465</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	VND					
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	5.157.480	(122.715.078)	27.688.672.556	15.298.048.320	(12.390.624.236)
<i>Trong đó:</i>						
<i>Công ty Cổ phần Simco Sông Đà</i>	126.752.447	4.642.080	(122.110.367)	126.752.447	5.996.020	(120.756.427)
<i>Công ty Cổ phần Sao Vàng Rubber</i>	-	-	-	27.560.799.998	15.291.500.000	(12.269.299.998)
<i>Chứng khoán khác</i>	1.120.111	515.400	(604.711)	1.120.111	552.300	(567.811)
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	556.000.000	-	556.000.000	556.000.000	-
<i>Trong đó:</i>						
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định –     Phong Phú</i>	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú</i>	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>683.872.558</b>	<b>561.157.480</b>	<b>(122.715.078)</b>	<b>28.244.672.556</b>	<b>15.854.048.320</b>	<b>(12.390.624.236)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>127.931.919.308</b>	<b>117.423.946.406</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên khác</i>	123.223.199.428	115.151.846.036
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	4.708.719.880	2.272.100.370
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>12.568.018.423</b>	<b>12.404.448.049</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thương mại     Xây dựng Cẩm Anh</i>	8.773.817.614	8.773.817.614
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư &amp; Xây dựng Tây Hồ</i>	1.528.500.000	2.139.900.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.265.700.809	1.490.730.435
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>98.000.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>205.581.950.475</b>	<b>37.957.635.407</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	36.145.155.389	14.298.001.072
<i>Phí vận chuyển trả hộ</i>	28.928.965.107	21.267.127.617
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	5.812.382.040	1.861.983.320
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan     (Thuyết minh số 28)</i>	134.695.447.939	530.523.398
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(11.056.498.383)</b>	<b>(10.869.259.380)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>335.025.389.823</u></b>	<b><u>254.916.770.482</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	10.869.259.380	9.660.812.280
Dự phòng trích lập trong kỳ	187.239.003	1.640.358.680
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(1.565.923.380)
Số cuối kỳ	<u>11.056.498.383</u>	<u>9.735.247.580</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Hàng đang đi đường	3.356.763.636	2.175.018.182
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.260.573.499	2.160.188.000
Hàng hóa	806.028.371	1.057.768.844
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.423.365.506</u></b>	<b><u>5.392.975.026</u></b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	305.700.000	917.100.000
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.024.107.000	2.434.257.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.329.807.000</u></b>	<b><u>3.351.357.000</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	195.508.076.973	6.007.517.506	92.174.693.617	3.180.321.358	296.870.609.454
Mua trong kỳ	1.087.184.340	95.000.000	530.000.000	140.307.460	1.852.491.800
Thanh lý	<u>(7.325.800.000)</u>	<u>-</u>	<u>(2.590.539.611)</u>	<u>-</u>	<u>(9.916.339.611)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>189.269.461.313</u>	<u>6.102.517.506</u>	<u>90.114.154.006</u>	<u>3.320.628.818</u>	<u>288.806.761.643</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>(26.172.261.049)</i>	<i>(3.966.418.159)</i>	<i>(16.772.819.852)</i>	<i>(1.447.816.932)</i>	<i>(48.359.315.992)</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	51.370.778.926	5.466.099.718	45.549.722.313	1.872.719.161	104.259.320.118
Khấu hao trong kỳ	5.224.170.858	127.401.810	4.491.347.983	181.820.386	10.024.741.037
Thanh lý	<u>(7.275.633.339)</u>	<u>-</u>	<u>(643.517.678)</u>	<u>-</u>	<u>(7.919.151.017)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>49.319.316.445</u>	<u>5.593.501.528</u>	<u>49.397.552.618</u>	<u>2.054.539.547</u>	<u>106.364.910.138</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>144.137.298.047</u>	<u>541.417.788</u>	<u>46.624.971.304</u>	<u>1.307.602.197</u>	<u>192.611.289.336</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>139.950.144.868</u>	<u>509.015.978</u>	<u>40.716.601.388</u>	<u>1.266.089.271</u>	<u>182.441.851.505</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Trang web</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.836.225.750	161.863.029	1.998.088.779
Mua trong kỳ	<u>424.200.000</u>	<u>-</u>	<u>424.200.000</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>2.260.425.750</u>	<u>161.863.029</u>	<u>2.422.288.779</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu trừ hết</i>	<i>(1.016.430.750)</i>	<i>(161.863.029)</i>	<i>(1.178.293.779)</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.211.441.086	161.863.029	1.373.304.115
Khấu trừ trong kỳ	<u>99.073.832</u>	<u>-</u>	<u>99.073.832</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>1.310.514.918</u>	<u>161.863.029</u>	<u>1.472.377.947</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>624.784.664</u>	<u>-</u>	<u>624.784.664</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>949.910.832</u>	<u>-</u>	<u>949.910.832</u>

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND			
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 11.1</i> )	1.243.444.752.603	-	1.199.766.230.427	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết ( <i>Thuyết minh số 11.2</i> )	<u>118.695.760.078</u>	<u>(4.162.060.000)</u>	<u>118.695.760.078</u>	<u>(4.162.060.000)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.362.140.512.681</u></b>	<b><u>(4.162.060.000)</u></b>	<b><u>1.318.461.990.505</u></b>	<b><u>(4.162.060.000)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**11.1 Đầu tư vào các công ty con**

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (i)	Logistic	Đang hoạt động	100,00	900.178.522.176	100,00	856.499.975.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức (ii)	Logistic	Đang hoạt động	82,65	283.206.230.427	82,65	283.206.230.427
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh (iii)	Logistic	Đang hoạt động	100,00	49.860.000.000	100,00	49.860.025.000
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (iv)	Logistic	Đang hoạt động	51,00	10.200.000.000	51,00	10.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.243.444.752.603</b>		<b>1.199.766.230.427</b>

(i) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, chủ sở hữu đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của SII từ 856.499.975.000 VND lên VND 901.000.000.000 và đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận bằng việc cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 4 vào ngày 10 tháng 5 năm 2018. Vào ngày 2 tháng 7 năm 2018, Công ty đã góp bổ sung phần vốn còn lại là 821.148.000 VND

(ii) Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“VTX”), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. GCNĐKKD đầu tiên của Công ty số 3206000035 được SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004. Vào ngày 27 tháng 1 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do Bộ Giao thông Vận tải ban hành. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty sở hữu 17.616.750 cổ phiếu của VTX, tương đương 84,00% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này, trong đó 11.717.806 cổ phiếu của Vietranstimex được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của các trái phiếu này được thể hiện trong *Thuyết minh số 18.2*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**11.1 Đầu tư vào các công ty con** (tiếp theo)

(iii) Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh (“Sotrans Hà Tĩnh”), trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3001806817 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sotrans Hà Tĩnh là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.

(iv) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.

**11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty liên doanh, liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty Cổ phần MHC (i)	Logistics	Đang hoạt động	23,00	94.533.700.078	23,00	94.533.700.078
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (ii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50,00	10.000.000.000	50,00	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50,00	10.000.000.000	50,00	10.000.000.000
Công ty TNHH Lo-Gi-STíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”) (iv)	Logistics	Đang hoạt động	24,50	4.162.060.000	24,50	4.162.060.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>118.695.760.078</b>		<b>118.695.760.078</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**(tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần MHC (“MHC”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100793715 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của MHC là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty sở hữu 7.528.181 cổ phiếu của MHC, tương đương 23% tỷ lệ sở hữu trong công ty này.
- (ii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.
- (iii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (“The Pier”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản.
- (iv) Công ty TNHH Lô -Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”), một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải và dịch vụ kho bãi.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	1.216.870.742	1.093.687.344
Chi phí sửa chữa	144.914.168	173.953.940
Khác	867.440.356	2.505.607.612
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.229.225.266</b>	<b>3.773.248.896</b>
<b>Dài hạn</b>		
Thuê đất	1.116.250.000	1.953.437.500
Chi phí sửa chữa	426.831.865	795.088.022
Công cụ dụng cụ	224.612.947	543.255.381
Khác	132.896.440	191.698.413
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.900.591.252</b>	<b>3.483.479.316</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	14.888.374.418	15.192.730.283
Công ty TNHH MTV Hạnh Minh Quang	8.981.099.999	7.368.499.999
Công ty TNHH Vận tải Minh Tài	8.657.528.142	6.791.505.564
Unitex Logistics Limited	4.602.730.182	1.785.755.785
Phải trả người bán khác	59.746.504.482	45.489.860.644
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>96.876.237.223</b>	<b>76.628.352.275</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bên liên quan trả tiền trước ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	14.341.022.264	95.124.999.994
Người mua khác trả tiền trước	186.872.558	1.603.235.785
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.527.894.822</b>	<b>96.728.235.779</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.633.866.555	4.057.001.127	(7.058.543.133)	1.632.324.549
Thuế giá trị gia tăng	1.541.467.401	9.771.049.881	(9.744.988.849)	1.567.528.433
Thuế thu nhập cá nhân	456.045.329	2.054.719.795	(2.400.410.244)	110.354.880
Thuế khác	-	6.398.384.284	(6.398.384.284)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.631.379.285</b>	<b>22.281.155.087</b>	<b>(25.602.326.510)</b>	<b>3.310.207.862</b>

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	10.097.837	-	-	10.097.837
Thuế thu nhập cá nhân	916.320	-	-	916.320
Thuế nhà đất	1.022.473.281	20	-	1.022.473.281
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.033.487.438</b>	<b>20</b>	<b>-</b>	<b>1.033.487.458</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí lãi vay	3.019.728.978	3.163.560.687
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	365.845.454	204.557.135
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.385.574.432</u></b>	<b><u>3.368.117.822</u></b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

**17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Nhận ký quỹ	4.908.633.310	2.037.190.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	475.184.752	2.551.051.659
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>85.323.818.062</u></b>	<b><u>84.528.242.259</u></b>

Trong đó:

<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	40.027.610.000	40.009.960.000
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C</i>	39.940.000.000	39.940.000.000
<i>Phải trả các bên khác</i>	5.356.208.062	4.578.282.259

(i) Đây là các khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thỏa thuận tạm thời về Quản lý Đất đai, Công ty và SORECO đồng ý gia hạn ngày di dời đến 31 tháng 12 năm 2018.

(ii) Đây là các khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS và số 02/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier và SORECO.

**17.2 Phải trả dài hạn khác**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Nhận ký quỹ, ký cược	9.648.159.000	9.808.191.500
Trong đó:		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	7.000.000.000	7.000.000.000
<i>Phải trả các bên khác</i>	2.648.159.000	2.808.191.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay ngân hàng ( <i>Thuyết minh số 18.1</i> )	13.631.094.970	-
Trái phiếu thường trong nước đến hạn phải mua lại ( <i>Thuyết minh số 18.2</i> )	200.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>213.631.094.970</b>	<b>-</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Trái phiếu thường trong nước ( <i>Thuyết minh số 18.2</i> )	148.735.374.784	348.314.237.838

**Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:**

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	348.314.237.838
Tiền thu từ đi vay	32.931.850.937	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(19.300.755.967)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	200.000.000.000	(200.000.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	421.136.946
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>213.631.094.970</u>	<u>148.735.374.784</u>

**18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Công ty có khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Số cuối kỳ được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>13.631.094.970</u>	Từ ngày 15 tháng 9 năm 2018 đến ngày 22 tháng 9 năm 2018	7%	Tín chấp



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.2 Trái phiếu thường trong nước**

Chi tiết trái phiếu vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VND	Kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	150.000.000.000	6 năm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (ii)	Ngày 19 tháng 4 năm 2016	130.000.000.000	3 năm
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	Ngày 22 tháng 6 năm 2016	70.000.000.000	3 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		(1.264.625.216)	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>348.735.374.784</b>	
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả		200.000.000.000	
Trái phiếu dài hạn		148.735.374.784	

(i) Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VND từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VND từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 36.905.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.2 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)**

(ii) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 130 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (“Việt Cát”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 7.316.180 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex, trong đó 7.217.806 cổ phiếu do Công ty sở hữu (*Thuyết minh số 11.1*) và 98.374 cổ phiếu do Công ty Cổ phần SCI sở hữu; và 3.279.317 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

(iii) Vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 70 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex do Công ty sở hữu (*Thuyết minh số 11.1*) và 5.000.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>VND</i>				
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	854.378.790.000	(2.033.034.900)	57.447.966.914	909.793.722.014
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	288.644.881.762	288.644.881.762
Trích lập các quỹ	-	-	(4.319.411.210)	(4.319.411.210)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(492.000.000)	(492.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>854.378.790.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>341.281.437.466</u>	<u>1.193.627.192.566</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	854.378.790.000	(2.033.034.900)	340.056.974.966	1.192.402.730.066
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	163.702.743.810	163.702.743.810
Trích lập các quỹ	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(488.600.000)	(488.600.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>854.378.790.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>499.771.118.776</u>	<u>1.352.116.873.876</u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên số 037/2018/SOTRANS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018, Cổ đông của Công ty đã thông qua việc trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Cổ phiếu**

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	85.437.879	27.560.698
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	85.437.879	27.560.698

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2017: 10.000 VND).

**20.3 Cổ tức**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong kỳ</b>		
<i>Cổ tức đã trả trong kỳ</i>	4.880.700	7.744.000

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	391.333.439.495	356.978.950.924
Doanh thu bán hàng hóa	77.287.820.530	60.470.273.759
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>468.621.260.025</b>	<b>417.449.224.683</b>

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Cổ tức được nhận	145.650.100.000	285.160.474.000
Lãi tiền gửi	1.957.940.502	1.619.213.439
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	220.024.490	156.399.205
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>147.828.064.992</b>	<b>286.936.086.644</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	315.708.591.392	283.987.113.954
Giá vốn của hàng hóa đã bán	74.384.084.838	54.215.083.481
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>390.092.676.230</u></b>	<b><u>338.202.197.435</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lãi vay	17.858.207.092	30.847.397.279
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	421.136.946	1.840.878.670
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	(4.008.365.127)	1.411.156.031
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	84.502.475	116.178.022
Chi phí khác	-	44.506.601
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.355.481.386</u></b>	<b><u>34.260.116.603</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>27.881.055.867</b>	<b>24.886.939.575</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lương nhân viên</i>	14.965.379.399	14.185.818.026
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	8.342.410.234	7.167.104.592
<i>Chi phí bán hàng khác</i>	4.573.266.234	3.534.016.957
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>18.725.141.756</b>	<b>17.333.217.945</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lương nhân viên</i>	12.476.622.985	11.402.363.020
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	2.773.984.240	-
<i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	69.752.093	1.640.358.680
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp khác</i>	3.404.782.438	4.290.496.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.006.218.053	274.087.930.605
Giá vốn hàng hoá đã bán	74.384.084.838	54.215.083.481
Chi phí nhân viên	30.192.622.385	25.588.181.046
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	10.123.814.869	8.023.808.854
Chi phí khác	13.992.133.708	18.507.350.969
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>436.698.873.853</u></b>	<b><u>380.422.354.955</u></b>

**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.374.078.965</b>	<b>371.443.216</b>
Nhận đền bù	-	297.727.957
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.282.383.000	73.715.259
Thu nhập khác	91.695.965	<b>371.443.216</b>
<b>Chi phí khác</b>	<b>(487.943.088)</b>	<b>(335.750.414)</b>
Lỗi từ việc thanh lý công cụ dụng cụ	(388.259.571)	
Chi phí đền bù	-	(274.499.740)
Chi phí nộp phạt	(47.931.726)	-
Chi phí khác	(51.751.791)	(61.250.674)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>2.886.135.877</u></b>	<b><u>35.692.802</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.049.475.126	367.725.944
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	7.526.001	11.551.527
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	521.360.718	714.373.338
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.578.361.845</u></b>	<b><u>1.093.650.809</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập tính thuế:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>			<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
	<i>Tại các vị trí kinh doanh khác</i>	<i>Tại kho Phú Mỹ</i>	<i>Tổng Cộng</i>	
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>163.769.306.373</u></b>	<b><u>4.511.799.282</u></b>	<b><u>168.281.105.655</u></b>	<b><u>289.738.532.571</u></b>
Thuế suất	20%	17%		20%
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	32.753.861.275	767.005.878	33.520.867.153	57.947.706.514
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>				
Chi phí không được trừ	962.339.569	-	962.339.569	189.524.641
Thuế TNDN được miễn	-	(767.005.878)	(767.005.878)	-
Thu nhập không chịu thuế	(29.145.365.000)	-	(29.145.365.000)	(57.055.131.873)
Chi phí thuế TNDN năm nay	4.570.835.844	-	4.570.835.844	1.082.099.282
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	7.526.001	-	7.526.001	11.551.527
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>4.578.361.845</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.578.361.845</u></b>	<b><u>1.093.650.809</u></b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Dự phòng trợ cấp thời việc	295.864.270	296.394.375	(530.105)	(40.572.625)
Phí dịch vụ	284.178.763	172.297.239	111.881.524	72.996.509
Chi phí lãi vay	-	632.712.137	(632.712.137)	(746.797.222)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>580.043.033</b>	<b>1.101.403.751</b>	<b>(521.360.718)</b>	<b>(714.373.338)</b>

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	18.036.234.905	18.032.093.959
		Cổ tức được nhận	2.550.000.000	2.550.000.000
		Bán hàng hóa	1.188.811.307	1.117.758.390
		Tạm ứng tiền thuê cảng	15.125.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	2.297.045.454	-
		Bán tài sản cố định	2.282.207.957	-
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	15.535.411.427	-
		Cung cấp dịch vụ vận tải	349.363.542	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với công ty có liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Công ty con	Mua dịch vụ	13.417.969.999	9.740.898.637
		Cổ tức được nhận	8.622.000.000	4.398.000.000
		Góp vốn đầu tư	-	35.200.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cổ tức được nhận	115.185.661.065	251.625.000.000
		Góp vốn đầu tư	43.678.822.176	-
		Thu hồi khoản cho vay	56.023.333.333	-
		Thu hồi vốn góp	-	38.602.600.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	515.900.000	1.020.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	Công ty con	Cổ tức được chia	21.140.100.000	26.425.125.000
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.722.099.863	6.254.831.740
		Bán hàng hóa	2.644.806.029	2.100.235.106
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.268.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Công ty liên quan	Tạm ứng tiền chứng khoán	19.300.755.967	-
		Thu hồi tạm ứng	(19.300.755.967)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

			VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.188.847.247	1.139.239.590
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.745.520.000	683.970.000
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	301.073.943	2.500.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	255.200.000	111.650.000
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	218.078.690	245.973.280
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	60.555.000
Công ty TNHH MTV Cadivi miền Bắc	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	30.712.500
			<b>4.708.719.880</b>	<b>2.272.100.370</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cổ tức được chia	113.250.000.000	367.861.111
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	Công ty con	Cổ tức được chia	21.140.100.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	Chi hộ	305.347.939	162.662.287
			<b>134.695.447.939</b>	<b>530.523.398</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	14.341.022.264	15.124.999.994
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đông lớn	Xây dựng trung tâm Logistics	-	80.000.000.000
			<b>14.341.022.264</b>	<b>95.124.999.994</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Công ty con	Mua dịch vụ	7.192.605.000	6.199.823.000
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	5.371.054.942	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	Công ty con	Mua dịch vụ	2.222.714.476	7.597.457.283
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con	Mua dịch vụ	102.000.000	1.395.450.000
			<b>14.888.374.418</b>	<b>15.192.730.283</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimes	Công ty con	Trả hộ	27.610.000	9.960.000
			<b>40.027.610.000</b>	<b>40.009.960.000</b>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc thuê cảng	7.000.000.000	7.000.000.000
Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:				
			VND	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lương, thù lao và thưởng			<u>1.545.876.000</u>	<u>1.595.030.388</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đến 1 năm	115.924.116.356	28.119.116.356
Từ 1 đến 5 năm	283.056.859.965	104.830.781.780
Trên 5 năm	14.040.454.541	20.088.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>413.021.430.862</u></b>	<b><u>153.037.898.136</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đến 1 năm	15.696.757.500	16.576.676.940
Từ 1 đến 5 năm	-	25.828.096.085
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.696.757.500</u></b>	<b><u>42.404.773.025</u></b>

**30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	733.118	631.312
- Đồng Euro (EUR)	8.495	6.640
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	2.190.881.420	2.190.881.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập



Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2018